

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Số: 32/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2017
“V/v xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Ông Nguyễn Văn Sĩ.

Thư ký phiên tòa: ông Lê Trần Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Vào ngày 30/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017, về việc “Tranh chấp xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1982;

- Bị đơn: Nguyễn Thị V, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2017; bản tự khai; biên bản hòa giải ngày 24/10/2017 và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T trình bày: Vào năm 2001, anh và chị V kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã P, huyện T theo quy định. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có sinh được 02 đứa con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 10/02/2002 và Nguyễn Thị Mai T, sinh ngày 05/7/2012. Thời gian sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là chị V chơi bạc bài, không lo làm ăn nên vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên cãi vã

nhau, không thể nào hàn gắn lại được và đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Từ khi ly thân cho đến nay con chung do vợ anh nuôi dưỡng.

Nay anh thấy tình cảm giữa anh với chị V không còn và cũng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn với chị V.

Về con chung: trong quá trình chung sống vợ chồng có sinh được 02 đứa con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 10/02/2002 và Nguyễn Thị Mai T, sinh ngày 05/7/2012, anh thống nhất tiếp tục giao con chung cho chị V nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- *Tại bản khai ngày 18/10/2017; biên bản hòa giải ngày 24/10/2017*
chị Nguyễn Thị V trình bày: Thừa nhận Vào năm 2001, chị với anh T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã P, huyện T theo quy định. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có sinh được 02 đứa con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 10/02/2002 và Nguyễn Thị Mai T, sinh ngày 05/7/2012. Thời gian sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đã được cha, mẹ hàn gắn cho vợ chồng chung sống lại với nhau, nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị không thể hàn gắn được với nhau và đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Từ khi vợ chồng anh ly thân cho đến nay con chung do chị nuôi dưỡng.

Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị, chị không đồng ý mà chị yêu cầu vợ chồng hàn gắn lại để nuôi con.

Về con chung: trong quá trình chung sống vợ chồng có sinh được 02 đứa con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 10/02/2002 và Nguyễn Thị Mai T, sinh ngày 05/7/2012, chị thống nhất tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T với chị Nguyễn Thị V là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay, nguyên nhân là do anh, chị luôn bất đồng ý kiến trong cuộc sống, mặc dù đã được cha, mẹ hai bên hàn gắn cho anh, chị chung sống lại với nhau nhiều lần, nhưng cả hai không thể cải thiện được những bất đồng giữa hai bên dẫn đến

anh, chị ly thân với nhau, từ khi ly thân cho đến nay, cả hai không gặp nhau để thương lượng, tìm ra phương cách hàn gắn lại với nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án tiến hành hoà giải cho hai bên hàn gắn lại với nhau nhưng chị V không có mặt. Xét thấy, đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Nguyễn Thị V là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh T và chị V có sinh được 02 đứa con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 10/02/2002 và Nguyễn Thị Mai T, sinh ngày 05/7/2012, hiện do chị V đang nuôi dưỡng. Tại phiên toà, anh T thống nhất tiếp tục giao các con chung cho chị V nuôi dưỡng. Tại biên bản hòa giải ngày 24/10/2017 chị V cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: từ khi anh T và chị V ly thân cho đến nay, các con chung do chị V nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, chị V vẫn đảm bảo cho cháu T và cháu T có cuộc sống ổn định, phát triển tốt. Mặc khác, tại bản khai ngày 18/10/2017, cháu Nguyễn Thanh T có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị V, nghĩ nên tiếp tục giao cháu T và cháu T cho chị V nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại biên bản hòa giải ngày 24/10/2017, chị V yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định, tại phiên tòa hôm nay anh T cũng thống nhất cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở, xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nghĩ nên chấp nhận.

Anh T được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên toà, anh T trình bày anh, chị không có tài sản chung, không có nợ chung và tại biên bản hòa giải ngày 24/10/2017 chị V cũng thừa nhận vợ chồng chị không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, chị V vắng mặt, xét thấy chị V đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản

5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Nguyễn Thị V, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/2005, quyền số 01 ngày 21/01/2005, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao con chung của anh T và chị V tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 10/02/2002 và Nguyễn Thị Mai T, sinh ngày 05/7/2012, cho chị Nguyễn Thị V tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 10/02/2002, mỗi tháng là ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định và cháu Nguyễn Thị Mai T, sinh ngày 05/7/2012 mỗi tháng là ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, cho đến khi cháu Nguyễn Thanh T và cháu Nguyễn Thị Mai T trưởng thành (18 tuổi) tự lao động được. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 17086 ngày 12/10/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Anh T còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- UBND xã Phú Ninh;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Hoàng Vũ